

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM THAO  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST  
Ngày 08 tháng 7 năm 2022.  
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán:* Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Việt Giang.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hà Thanh Phong.

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Quỹ tín dụng nhân dân xã S.

Địa chỉ: Khu 1, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Triệu Thị Bích T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Có mặt).

**Bị đơn:** Anh Triệu Kim T, sinh năm 1973. (Vắng mặt không lý do).

HKTT: Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu 3, thị trấn H, huyện L, tỉnh P.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1948. (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 9, xã T, huyện L, tỉnh P.

2. Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1977. (Có đơn xin vắng mặt).

HKTT: Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh P.

Chỗ ở hiện nay: Khu 3, thị trấn H, huyện L, tỉnh P.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, đơn đề nghị và tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng nhân dân xã S bà Triệu Thị Bích T trình bày:

Ngày 16/9/2019, Anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T, địa chỉ: Khu T, Thị trấn L, Huyện L, Tỉnh P có vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân xã S trụ sở tại khu 1, xã S, huyện L, tỉnh P có ký kết hợp đồng tín dụng số 622/HĐTD ngày 16/9/2019, số tiền vay là 600.000.000đ (Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng chẵn), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 10,95%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay, hạn trả nợ ngày 16/9/2020. Cùng ngày, anh T, chị T và bà Nguyễn Thị H với Quỹ tín dụng nhân dân xã S có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 622/HĐTC ngày 13/9/2019. Tài sản đảm bảo để thế chấp vay vốn là Quyền sử dụng đất, thửa đất số 133-1, tờ bản đồ số 20, diện tích 166m<sup>2</sup> tại xã T, huyện L, tỉnh P; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X239233 do UBND huyện L cấp ngày 06/08/2003 đứng tên bà Nguyễn Thị H sinh năm 1948, hộ khẩu thường trú: Khu 9, xã T, huyện L, tỉnh P và tài sản gắn liền với đất: Nhà ở đồ mái 02 tầng diện tích 150m<sup>2</sup>. Tài sản đảm bảo để thế chấp vay vốn đã được đăng ký thế chấp tại Phòng tài nguyên môi trường huyện L.

Trong quá trình vay vốn anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T không chấp hành việc trả lãi tiền vay, khi đến hạn trả nợ gốc tiền vay ông T, chị T không trả nợ như cam kết trong hợp đồng vay vốn. Quỹ tín dụng nhân dân xã S đã nhiều lần liên hệ với anh T, chị T để giải quyết về khoản vay vốn còn nợ tại Quỹ nhưng không liên lạc được. Quỹ tín dụng nhân dân xã S đã làm việc với bà Nguyễn Thị H (người ủy quyền tài sản thế chấp), bà H đề nghị Quỹ tín dụng nhân dân xã S gửi hồ sơ ra tòa án để giải quyết món vay của anh T, chị T. Ngày 01/4/2021, Quỹ tín dụng nhân dân xã S đã chuyển món vay của anh T sang nợ quá hạn để xử lý, thu hồi nợ.

Tính đến ngày 08/7/2022 anh Triệu Kim T còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân xã S số tiền gốc là: 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi là 130.898.000đ (Một trăm ba mươi triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng), trong đó lãi trong hạn là: 5.580.000đ (Năm triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) và lãi quá hạn là 125.318.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm mười tám nghìn đồng).

Quỹ tín dụng nhân dân xã S đề nghị tòa án giải quyết các yêu cầu như sau:

- Buộc anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã S số tiền còn nợ gốc là 600.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng chẵn) và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng.

- Buộc anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T phải trả khoản lãi phát sinh từ thời điểm Tòa án giải quyết xong đến khi anh T, chị T trả xong nợ gốc, lãi suất theo quy định trong hợp đồng vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân xã S.

- Trong trường hợp anh T, chị T không trả được nợ gốc và lãi vay Quỹ tín dụng nhân dân xã S có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm.

\* Tại bản biên bản lời khai bị đơn anh Triệu Kim T trình bày:

Ngày 16/9/2019, anh T có vay của Quỹ tín dụng nhân dân xã S số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 622/HĐTD ngày 16/9/2019. Khi vay, anh T là người đứng tên và có ký tên trong hợp đồng nhưng Quỹ tín dụng nhân dân xã S yêu cầu phải có cả chữ ký của vợ anh là chị Nguyễn Thị Thu T nên vợ anh (chị T) cũng có ký tên trong hợp đồng. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản là quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1948; địa chỉ: khu 9, xã T, huyện L, tỉnh P, do đó, bà H cũng có ký tên trong cả hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp. Anh T xác định đây là khoản vay của cá nhân anh T, nhưng trên thực tế thì anh T vay tiền hộ cho bà Nguyễn Thị H, người trực tiếp trả nợ cho quỹ tín dụng cũng là bà H nên quá trình trả nợ cho quỹ tín dụng như thế nào, hiện nay còn nợ lại bao nhiêu thì anh T không biết.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân xã S yêu cầu anh trả số tiền nợ gốc 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng thì anh đề nghị bà H trả nợ thay cho anh. Trường hợp bà H không trả được nợ thì anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H trình bày quan điểm:

Bà và gia đình anh Triệu Kim T có mối quan hệ thân quen nên thời điểm năm 2019, khi anh Triệu Kim T ký hợp đồng tín dụng với Quỹ tín dụng nhân dân xã S để vay số tiền 600.000.000đ thì bà có thể chấp để bảo đảm cho khoản vay của anh T bằng thửa đất số 133-1, tờ bản đồ số 20, địa chỉ xã T, huyện L, tỉnh P, diện tích 166m<sup>2</sup> và ngôi nhà 2 tầng, đồ mái, diện tích 150m<sup>2</sup> xây dựng trên đất. Bà có ký tên trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 622/HĐTC ngày 13/9/2019.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân xã S khởi kiện yêu cầu anh Triệu Kim T phải trả 600.000.000đ nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng thì bà H đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã S số tiền 600.000.000đ nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng để Quỹ tín dụng trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Trong trường hợp anh T không trả được nợ và Quỹ tín dụng có yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm thì bà yêu cầu anh T phải trả cho bà số tiền nợ gốc 600.000.000đ và lãi phát sinh theo hợp đồng anh T đã ký với Quỹ tín dụng.

2. Chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

- Chị là vợ anh Triệu Kim T. Năm 2019, anh T có vay Quỹ tín dụng nhân dân xã S số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), đây là khoản vay cá nhân của anh T, không liên quan đến chị, do Quỹ tín dụng có yêu cầu vợ của anh T phải cùng ký tên nên chị có ký và ghi họ tên trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Trên thực tế, khoản vay này anh T chỉ đứng tên để vay tiền hộ bà Nguyễn Thị

H ở khu 9, xã T, huyện L, tỉnh P. Nay Quỹ tín dụng nhân dân xã S khởi kiện yêu cầu anh Triệu Kim T phải trả 600.000.000đ nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao:**

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân xã S.**

Buộc anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã S tính đến ngày 08/7/2022 tổng số tiền là 730.898.000đ (Bảy trăm ba mươi triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng), trong đó số tiền nợ gốc 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) và số tiền lãi là 130.898.000đ (Một trăm ba mươi triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng), trong đó lãi trong hạn là: 5.580.000đ (Năm triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) và lãi quá hạn là 125.318.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm mười tám nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Quỹ tín dụng nhân dân xã S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, thửa đất số 133-1, tờ bản đồ số 20, địa chỉ xã T, huyện L, tỉnh P, diện tích 166m<sup>2</sup> (đất ở 88m<sup>2</sup>, đất vườn 78m<sup>2</sup>), đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/8/2003 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị H (đã được đính chính thành bà Nguyễn Thị H ngày 25/5/2018) trên đất có 01 nhà 2 tầng, đổ mái, diện tích xây dựng 150m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất.

**2. Về án phí:** Buộc anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 33.235.920đ (Ba mươi ba triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**3. Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ:** Buộc anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T phải hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã S số tiền 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng) lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân xã S khởi kiện anh Triệu Kim T phải trả số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn anh Triệu Kim T có HKTT: Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa bị đơn, anh Triệu Kim T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T, chị T và bà H là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét hợp đồng tín dụng số 622/HĐTD ký kết ngày 16/9/2019, giữa Quỹ tín dụng nhân dân xã S với anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T, thì anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T có vay của Quỹ tín dụng số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Thời hạn cho vay là 12 tháng, mục đích là để làm nghề xây dựng. lãi suất vay 10,95%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay. Phương thức trả nợ gốc, lãi: Kỳ hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/9/2020 và trả lãi trước ngày 25 hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân xã S, Quỹ tín dụng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho anh T, chị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng anh T, chị T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Quỹ tín dụng. Nay Quỹ tín dụng đề nghị Tòa án buộc anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T phải thanh toán cho Quỹ tín dụng tính số tiền nợ gốc 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng. Bị đơn anh Triệu Kim T thừa nhận anh có vay của Quỹ tín dụng nhân dân xã S số tiền 600.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 622/HĐTD ngày 16/9/2019, anh xác định đây là khoản vay của cá nhân anh, anh có ký tên trong hợp đồng tín dụng số 622/HĐTD ngày 16/9/2019, nhưng trên thực tế là anh vay tiền hộ bà Nguyễn Thị H, khi vay anh là người đứng tên trong hợp đồng nhưng Quỹ tín dụng nhân dân xã S yêu cầu phải có chữ ký của vợ anh là chị Nguyễn Thị Thu T nên chị T cũng có ký tên trong hợp đồng tín dụng. Hàng tháng bà H là người trực tiếp trả nợ cho quỹ tín dụng, quá trình trả nợ cho quỹ tín dụng như thế nào, hiện nay còn nợ lại bao nhiêu thì anh T không biết. Nay Quỹ tín dụng nhân dân xã S yêu cầu anh trả số tiền nợ gốc 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng thì anh T đề nghị bà H trả nợ thay cho anh. Anh vẫn nhất trí trả nợ cho Quỹ tín dụng nhưng trong trường hợp anh không trả nợ được thì anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T cũng thừa nhận chị có ký tên trong hợp đồng tín dụng số: 622/HĐTD ngày 16/9/2019 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 622/HĐTC ngày 13/9/2019, nhưng chị xác định đây là khoản

vay của anh T không liên quan đến chị. Quá trình giải quyết vụ án anh T và chị T không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh việc anh T vay tiền hộ bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản họp gia đình về việc vay vốn ngày 12/9/2019 thì chị T và anh T đều nhất trí vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân xã S, chị T đồng ý để anh Triệu Kim T là người đại diện chịu trách nhiệm đứng ra vay vốn. Chị T và anh T đều thừa nhận có ký tên trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp, các bên tham gia hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân xã S, buộc anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T phải có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã S toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tính đến ngày 08/7/2022 số tiền nợ gốc là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và số tiền lãi là 130.898.000đ (Một trăm ba mươi triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng), trong đó lãi trong hạn là: 5.580.000đ (Năm triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) và lãi quá hạn là 125.318.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm mười tám nghìn đồng).

Về hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay, anh Triệu Kim T, chị Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị H với Quỹ tín dụng nhân dân xã S có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 622/HĐTC ngày 13/9/2019. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, thửa đất số 133-1, tờ bản đồ số 20, địa chỉ xã T, huyện L, tỉnh P, diện tích 166m<sup>2</sup> (đất ở 88m<sup>2</sup>, đất vườn 78m<sup>2</sup>), đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/8/2003 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị H (đã được đính chính thành bà Nguyễn Thị H ngày 25/5/2018) và tài sản gắn liền với đất ngôi nhà 2 tầng, đồ mái, diện tích xây dựng 150m<sup>2</sup>. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 622/HĐTC ngày 13/9/2019 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng L ngày 13/9/2019 và tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L ngày 16/9/2019.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp này thì vị trí thửa đất, diện tích đất cùng tài sản trên đất không có thay đổi gì. Nay Quỹ tín dụng yêu cầu trong trường hợp anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng thì Quỹ tín dụng nhân dân xã S có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp mà bà H và anh T, chị T đã ký kết với Quỹ tín dụng và yêu cầu anh T và chị T phải trả khoản lãi phát sinh từ thời điểm Tòa án giải quyết xong vụ án đến khi anh T trả xong nợ gốc, lãi suất theo quy định trong hợp đồng vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân xã S.

Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 622/HĐTC ngày 13/9/2019 đã ký giữa Quỹ tín dụng nhân dân xã S với bà Nguyễn Thị H, anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T có nội dung và

hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, trong trường hợp anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Quỹ tín dụng nhân dân xã S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, thửa đất số 133-1, tờ bản đồ số 20, địa chỉ xã T, huyện L, tỉnh P, diện tích 166m<sup>2</sup> (đất ở 88m<sup>2</sup>, đất vườn 78m<sup>2</sup>), đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/8/2003 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị H (đã được đính chính thành bà Nguyễn Thị H ngày 25/5/2018) trên đất có 01 nhà 2 tầng, đồ mái, diện tích xây dựng 150m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu của bà H, trường hợp anh T không trả được nợ và Quỹ tín dụng nhân dân xã S có yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm thì bà H yêu cầu anh T phải trả cho bà số tiền nợ gốc 600.000.000đ và lãi phát sinh theo hợp đồng anh T đã ký với Quỹ tín dụng. Hội đồng xét xử xét thấy đối với yêu cầu này bà H có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân xã S được chấp nhận nên Quỹ tín dụng nhân dân xã S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về lệ phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân xã S được chấp nhận vì vậy cần buộc anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T phải hoàn trả số tiền 2.100.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã S là phù hợp.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 299, Điều 323, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân xã S.

Buộc anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã S tính đến ngày 08/7/2022 tổng số tiền là 730.898.000đ (Bảy trăm ba mươi triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng), trong đó số tiền nợ gốc 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) và số tiền lãi là 130.898.000đ (Một trăm ba mươi triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng), trong đó lãi trong hạn là: 5.580.000đ (Năm triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) và lãi quá hạn là 125.318.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm mười tám nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Quỹ tín dụng nhân dân xã S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, thửa đất số 133-1, tờ bản đồ số 20, địa chỉ xã T, huyện L, tỉnh P, diện tích 166m<sup>2</sup> (đất ở 88m<sup>2</sup>, đất vườn 78m<sup>2</sup>), đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/8/2003 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị H (đã được đính chính thành bà Nguyễn Thị H ngày 25/5/2018) trên đất có 01 nhà 2 tầng, đồ mái, diện tích xây dựng 150m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất.

2. Về án phí: Buộc anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 33.235.920đ (Ba mươi ba triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân xã S số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002020 ngày 15/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

3. Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc anh Triệu Kim T và chị Nguyễn Thị Thu T phải hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã S số tiền 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng) lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.*



**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- Các đương sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Việt Giang**